

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST

Ngày 12-8-2024

“V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình - ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Thị Hoàng.
- Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vũ Hải là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2024, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 386/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Mai Thị T, sinh năm 1993.

Nơi thường trú: Số A, tổ A, ấp B, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Nơi ở: Số A, đường M, tổ A, ấp C, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Trần Văn Đ, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T, anh Đ đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là Mai Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100, ngày 27/8/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác, có hành vi bạo lực, đe dọa và không tôn trọng chị T. Mặc dù đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng ly thân, sống xa nhau từ tháng 03/2024 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Mai Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm D, sinh ngày 15/9/2012 và Trần Gia Đ1, sinh ngày 18/02/2016, hiện 02 con chung đang sống với chị T từ tháng 03/2024 đến nay. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Trần Thị Cẩm D và Trần Gia Đ1 và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định của pháp luật. Chị T không cung cấp, chứng minh được thu nhập của anh Đ, lý do anh Đ không có thu nhập ổn định.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là Trần Văn Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, chung sống; vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022, anh Đ có nói chuyện lớn tiếng, chửi chị T, có đập đồ trong nhà khi anh Đ nóng giận với chị T và có chọc ghẹo, nhắn tin với người phụ nữ khác nhưng anh Đ đã bỏ, hiện không còn. Vợ chồng ly thân, không sống chung từ tháng 03/2024 đến nay. Nay anh Đ không đồng ý ly hôn với chị Mai Thị T, lý do anh Đ muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi 02 con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm D, sinh ngày 15/9/2012 và Trần Gia Đ1, sinh ngày 18/02/2016, hiện 02 con chung đang sống với chị T từ tháng 03/2024 đến nay. Sau khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được nuôi 02 con chung Trần Thị Cẩm D và Trần Gia Đ1 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Trường hợp chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Trần Thị Cẩm D và Trần Gia Đ1 và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định của pháp luật thì anh Đ không đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung và anh Đ không có thu nhập ổn định, chi phí sinh hoạt hàng ngày của anh Đ từ làm ruộng theo mùa vụ, không ổn định có mùa trúng, có mùa bị lỗ hoặc không lời.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Mai Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Đ và yêu cầu được nuôi con chung nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là Trần Văn Đ có nơi cư trú tại số A, tổ A, ấp B, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100, ngày 27/8/2012 là hôn nhân hợp pháp.

Theo khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, quy định như sau:

“Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.”

Tại phiên tòa, chị T trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác, có hành vi bạo lực, đe dọa và không tôn trọng chị T. Mặc dù đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng ly thân, sống xa nhau từ tháng 03/2024 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Mai Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Tại phiên tòa, chị T vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Tại phiên tòa, anh Đ thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, chung sống; vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022, anh Đ có nói chuyện lớn tiếng, chửi chị T, có đập đồ trong nhà khi anh Đ nóng giận với chị T và có chọc ghẹo, nhắn tin với người phụ nữ khác nhưng anh Đ đã bỏ, hiện không còn. Vợ chồng ly thân, không sống chung từ tháng 03/2024 đến nay. Nay anh Đ không đồng ý ly hôn với chị Mai Thị T, lý do anh Đ muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi 02 con chung.

Xét thấy, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, không tôn trọng nhau, không giúp đỡ nhau; anh Đ có nói chuyện lớn tiếng, chửi chị T, có đập đồ trong nhà khi anh Đ nóng giận với chị T và có chọc ghẹo, nhắn tin với người phụ nữ khác; chị T và anh Đ đã ly thân, không sống chung từ tháng 03/2024 đến nay và tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được và Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành và tại phiên tòa chị T vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Đ; vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau, không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét, hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chị Mai Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Đ là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm D, sinh ngày 15/9/2012 và Trần Gia Đ1, sinh ngày 18/02/2016, hiện 02 con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Trần Thị Cẩm D và Trần Gia Đ1 và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định của pháp luật.

Anh Đ trình bày, sau khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được nuôi 02 con chung Trần Thị Cẩm D và Trần Gia Đ1 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Xét thấy, con chung đang sống với chị T đã ổn định từ tháng 03/2024 đến nay và ý kiến của 02 con chung là Trần Thị Cẩm D, sinh ngày 15/9/2012 và Trần Gia Đ1, sinh ngày 18/02/2016 có nguyện vọng được sống với chị T.

Theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, quy định như sau:

“Điều 81. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn

.....

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

.....”

Theo quy định nêu trên, để đảm bảo điều kiện sống tốt nhất về mọi mặt của con chung nên cần thiết giao con chung là Trần Thị Cẩm D và Trần Gia Đ1 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Trần Thị Cẩm D và Trần Gia Đ1 là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Trần Thị Cẩm D và Trần Gia Đ1 theo quy định của pháp luật. Chị T không cung cấp, chứng minh thu nhập của anh Đ, lý do anh Đ có thu nhập không ổn định.

Anh Đ không đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo yêu cầu của chị T và anh Đ trình bày không có thu nhập ổn định, mọi chi phí sinh hoạt hàng ngày của anh Đ từ làm ruộng theo mùa vụ, không ổn định, có mùa vụ trúng, có mùa vụ bị lỗ hoặc không lời.

Theo khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, quy định như sau:

“Điều 82. Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

.....
2. *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.*
.....”

Theo Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định

“Điều 7. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình

1.

2. *Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con.*

3. *Trường hợp các bên không thỏa thuận được phương thức cấp dưỡng thì Tòa án quyết định phương thức cấp dưỡng hàng tháng hoặc phương thức khác phù hợp với nhu cầu, lợi ích của con và điều kiện kinh tế của người cấp dưỡng.*

4. *Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình phát sinh kể từ thời điểm cha, mẹ không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.”*

Chị T và anh Đ đều thừa nhận vợ chồng ly thân, không sống chung và anh Đ không sống chung với 02 con chung từ tháng 03 năm 2024 đến nay.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chị T yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Trần Thị Cẩm D và Trần Gia Đ1 theo quy định của pháp luật là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con chung là Trần Thị Cẩm D và Trần Gia Đ1, hàng tháng, với mức cấp dưỡng là một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con, thời gian cấp dưỡng từ tháng 03 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với yêu cầu, trình bày của anh Đ như đã phân tích nêu trên là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Chị T xin rút một phần yêu cầu về chia tài sản chung, không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu của chị Mai Thị T về việc yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

[2.5] Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị T phải chịu án phí về hôn nhân theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị T xin rút một phần yêu cầu về tài sản chung, không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nên trả lại cho chị Mai Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Trần Văn Đ phải chịu án phí về cấp dưỡng.

[4] Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị T.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Mai Thị T được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Trần Thị Cẩm D, sinh ngày 15/9/2012 và Trần Gia Đ1, sinh ngày 18/02/2016, hiện nay 02 con chung đang sống với chị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Văn Đ có nghĩa vụ phải cấp dưỡng cho 02 con chung là Trần Thị Cẩm D và Trần Gia Đ1, hàng tháng, với mức cấp dưỡng là một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con, thời gian cấp dưỡng từ tháng 03 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Đình chỉ một phần yêu cầu của chị Mai Thị T về việc yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009862, ngày 07/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Như vậy chị Mai Thị T đã nộp xong án phí về hôn nhân.

Trả lại cho chị Mai Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.375.000 đồng (Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009863, ngày 07/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc anh Trần Văn Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

6. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thanh Hiền